

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2024/DS-ST
Ngày: 18 - 12 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Phương Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương không tham gia phiên tòa

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 712/2024/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N1; địa chỉ trụ sở: Số A đường T, Phường L, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ chi nhánh B: Số A Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Bùi Hữu T; chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng bán lẻ thuộc Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh B.

2. Ông Phạm Nhật P, sinh năm 1981; chức vụ: Phó Trưởng phòng Khách hàng bán lẻ thuộc Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh B.

3. Ông Mai Thanh H; chức vụ: Phó Trưởng phòng Khách hàng bán lẻ thuộc Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh B.

4. Bà Bùi Thị Kim N; chức vụ: Phó Trưởng phòng Khách hàng bán lẻ thuộc Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh B.

Cùng địa chỉ liên hệ: Số A Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Là những người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP N1 (theo Giấy ủy quyền số 1868/UQ-BDU-KHBL ngày 19/9/2024).

2. Bị đơn: Bà Tôn Nữ Hồng H1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số C đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 123, Khu phố E, khu tái định cư Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/6/2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Bùi Thị Kim N trình bày: Bà Tôn Nữ Hồng H1 và Ngân hàng TMCP N1 có ký kết hợp đồng tín dụng theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V (viết tắt là V1) kèm hợp đồng ngày 26/10/2022 và ngày 26/4/2023 tại V1 Chi nhánh B, chi tiết như sau:

ST T	Tên	Loại thẻ	Tài khoản thẻ	Hạn mức (đồng)	Ngày phát hành
1	Tôn Nữ Hồng Hạnh	VISA	V02802603121	70.000.000	26/10/2022
2	Tôn Nữ Hồng Hạnh	JP	JP02800544328		26/04/2023

Tính đến hết ngày 16/12/2024, tổng dư nợ thẻ của Khách hàng tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại V1 Chi nhánh B chi tiết như sau:

S T T	Tài khoản thẻ	Hạn mức	Dư nợ gốc	Nợ lãi	Phí phạt chậm trả	Tổng cộng
1	V02802603121	70.000.000	49.716.077	9.010.666	10.026.798	68.753.541
2	JP02800544328	70.000.000	18.378.695	3.186.447	2.274.673	23.839.815
	TỔNG	70.000.000	68.094.772	12.197.113	12.301.471	92.593.356

- Tổng dư nợ thẻ đến thời điểm 16/12/2024: 92.593.356 đồng. Trong đó:
 - + Nợ gốc: 68.094.772 đồng
 - + Nợ lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 16/12/2024: 12.197.113 đồng
 - + Phí phạt chậm thanh toán: 12.301.471 đồng
 - + Tình trạng nợ: nhóm 5
- Biện pháp bảo đảm: Phát hành thẻ tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản yêu cầu Khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng tính đến nay, khách hàng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi đối với khoản vay trên cho V. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP N1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc bà Tôn Nữ Hồng H1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N1 tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 16/12/2024 là 92.593.356 đồng, trong đó:

+ Nợ thẻ VISA: nợ gốc 49.716.077 đồng, nợ lãi 9.010.666 đồng, phí phạt chậm trả 10.026.798 đồng. Tổng: 68.753.541 đồng.

+ Nợ thẻ JP: nợ gốc 18.378.695 đồng, nợ lãi 3.186.447 đồng, phí phạt chậm trả 2.274.673 đồng. Tổng: 23.839.815 đồng.

- Ngoài ra, bà Tôn Nữ Hồng H1 còn phải chịu toàn bộ các khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 16/12/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N1 theo hợp đồng cho vay mà hai bên đã ký kết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập) cho bị đơn bà Tôn Nữ Hồng H1 tại địa chỉ Thừa đất số 3, tờ bản đồ số 123, Khu phố E, khu tái định cư Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn phải chịu hậu quả cho việc không cung cấp được chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N1 là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

[1.2] Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập) cho bị đơn bà Tôn Nữ Hồng H1 tại địa chỉ liên lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhưng bà H1 vẫn vắng mặt không lý do. Đại diện nguyên đơn bà Bùi Thị Kim N có đơn yêu cầu giải quyết

vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung: Xem xét Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 26/10/2022 và ngày 26/4/2023 thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng của hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP N1 đã cấp thẻ tín dụng loại thẻ Visa, tài khoản thẻ V02802603121 và thẻ JP, tài khoản thẻ JP02800544328 cho bà Tôn Nữ Hồng H1 theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng nêu trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Tôn Nữ Hồng H1 chỉ thanh toán được một phần nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N1 thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 16/12/2024, bà Tôn Nữ Hồng H1 còn nợ lại số tiền nợ gốc: 68.094.772đồng (trong đó: Nợ thẻ VISA: 49.716.077đồng; Nợ thẻ JP: 18.378.695đồng). Do đó, Ngân hàng TMCP N1 khởi kiện yêu cầu bà Tôn Nữ Hồng H1 phải thanh toán số tiền nợ gốc 68.094.772đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi và phí phạt tạm tính đến ngày 16/12/2024, cụ thể: đối với thẻ VISA: nợ lãi 9.010.666đồng, phí phạt chậm trả 10.026.798đồng và thẻ JP: nợ lãi 3.186.447đồng, phí phạt chậm trả 2.274.673đồng là đúng thỏa thuận tại Giấy Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 26/10/2022 và ngày 26/4/2023 và phù hợp quy định về lãi suất tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N2 và hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N1 đối với bị đơn bà Tôn Nữ Hồng H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Tôn Nữ Hồng H1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP N1 theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kèm hợp đồng ngày 26/10/2022 và ngày 26/4/2023 tính đến ngày 16/12/2024, như sau:

- Đối với thẻ VISA: số tiền nợ gốc 49.716.077đồng, nợ lãi 9.010.666đồng, phí phạt chậm trả 10.026.798đồng. Tổng: 68.753.541đồng.

- Đối với thẻ JP: số tiền nợ gốc 18.378.695đồng, nợ lãi 3.186.447đồng, phí phạt chậm trả 2.274.673đồng. Tổng: 23.839.815đồng.

Tổng cộng: 92.593.356đồng

Kể từ ngày 17/12/2024 cho đến khi thi hành án xong bị đơn còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP N1 các khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận tại Giấy Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kèm hợp đồng ngày 26/10/2022 và ngày 26/4/2023 và .

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Tôn Nữ Hồng H1 phải chịu số tiền 4.629.668đồng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền 1.849.000đồng (Một triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002305 ngày 08/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duy Nhân